

Số: 551/QĐ-UBND

Xuân Lộc, ngày 20 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia
TCVN ISO 9001:2015 áp dụng tại UBND xã Xuân Lộc**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn;

Xét đề nghị của Công chức Văn phòng - Thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND xã Xuân Lộc phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, với các lĩnh vực hoạt động theo Phụ lục ban hành kèm theo quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 84/QĐ-UBND vào ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch UBND xã.

Điều 3. Văn phòng – Thống kê UBND, Trưởng Ban Chỉ đạo ISO xã, các công chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Khoa học và Công nghệ (b/c);
- UBND huyện Phú Lộc (b/c);
- Phòng Nội vụ huyện (b/c);
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- CT, PCT. UBND xã;
- BTT. UBMTTQVN xã;
- Các ban, ngành, đoàn thể liên quan;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu VT, BCĐ ISO.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sinh

Xuân Lộc, ngày 20 tháng 9 năm 2022

**DANH MỤC TÀI LIỆU TRONG HTQLCL TƯƠNG ỨNG VỚI TIÊU
CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015 ĐƯỢC CÔNG BỐ
TẠI UBND XÃ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:551/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã Xuân Lộc)*

STT	TÊN TÀI LIỆU	MÃ TÀI LIỆU	
A	Các tài liệu bắt buộc của hệ thống		
1	Chính sách chất lượng		
2	Mục tiêu chất lượng (MTCL), Kế hoạch thực hiện MTCL.		
3	Sổ tay chất lượng	STCL	
4	Quy trình kiểm soát tài liệu	QT-ISO-KSTL	
5	Quy trình kiểm soát hồ sơ	QT-ISO-KSHS	
6	Quy trình đánh giá nội bộ	QT-ISO-ĐGNB	
7	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp	QT-ISO-KSKPH	
8	Quy trình hành động khắc phục	QT-ISO-HĐKP	
9	Quy trình giải quyết rủi ro và cơ hội	QT-ISO-GQRR&CH	
B	Các quy trình nội bộ		
1	Quy trình tiếp nhận và trả kết quả	QT-ISO-TN&TKT	
2	Quy trình họp xem xét lãnh đạo	QT-HXXLD	
3	Quy trình tiếp nhận, phát hành văn bản đi của cơ quan	QT-TNPHVBD	
4	Quy trình quản lý văn bản đến của cơ quan	QT-QLVBD	
5	Quy trình quản lý thông tin nội bộ	QT-QLTTNB	
6	Quy trình quản lý mua sắm tài sản	QTQLMSTS	
C	Các quy trình giải quyết thủ tục hành chính		

TT	Tên quy trình	Mã hiệu	Số Quyết định UBND tỉnh về ban hành TTHC
I	LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (19 TTHC) (văn hóa- xã hội phụ trách)		
	1. Lĩnh vực Người có công (02 TTHC)		
1	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	QT-NCC-01	Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09/10/2018
2	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	QT-NCC-02	
	2. Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em (06 TTHC)		
3	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	QT-BVCSTE-01	Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09/10/2018
4	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT-BVCSTE-02	
5	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	QT-BVCSTE-03	
6	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	QT-BVCSTE-04	
7	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	QT-BVCSTE-05	Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09/10/2018
8	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá	QT-BVCSTE-	

	nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	06	
3. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (08 TTHC)			
9	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật	QT-BTXH-01	Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 27/4/2022
10	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QT-BTXH-02	
11	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	QT-BTXH-03	Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09/10/2018
12	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	QT-BTXH-04	
13	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	QT-BTXH-05	
14	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	QT-BTXH-06	
15	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	QT-BTXH-07	
16	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.	QT-BTXH-08	
4. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội (03 TTHC)			
17	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	QT-PCTNXH-01	Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09/10/2018
18	Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng	QT-PCTNXH-02	
	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	QT-PCTNXH-03	Quyết định số 1603/QĐ-

19			UBND ngày 8/7/2022
II	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (05 TTHC) (CC văn hóa- xã hội phụ trách)		
20	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	QT-GD&ĐT-01	Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 25/02/2019
21	Sáp nhập, chia, tách, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT-GD&ĐT-02	
22	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT-GD&ĐT-03	
23	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	QT-GD&ĐT-04	
24	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	QT-GD&ĐT-05	
III	VĂN HÓA VÀ THỂ THAO (07 TTHC) (CC văn hóa- xã hội phụ trách)		
	Văn hóa cơ sở (03 TTHC)		
25	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội	QT-VHCS-01	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 04/02/2020
26	Thủ tục xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa	QT-VHCS-02	
27	Thủ tục xét tặng giấy khen Gia đình văn hóa	QT-VHCS-03	
	Thư viện (03 TTHC)		

28	Thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	QT-TV-01	Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 30/10/2020
29	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	QT-TV-02	
30	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	QT-TV-03	
Thể thao (01 TTHC)			
31	Công nhận CLB thể thao cơ sở	QT-TT-01	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 04/02/2020
IV	Y TẾ (01 TTHC) (CC văn hóa- xã hội phụ trách)		
32	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	QT-YT-01	Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 08/4/2019
V	NỘI VỤ (14 TTHC)		
1. Lĩnh vực Tôn giáo (10 TTHC) (CC văn phòng- thống kê phụ trách)			
33	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng	QT-TG-01	
34	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng		
35	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT-TG-02	
36	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QT-TG-03	Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 05/02/2021
37	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QT-TG-04	
38	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT-TG-05	
39	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn	QT-TG-06	

	giáo tập trung trong địa bàn một xã		
40	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	QT-TG-05	
41	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT-TG-06	
42	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc		
2. Lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng (04 TTHC) (CC văn phòng- thống kê phụ trách)			
43	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT-TĐKT-01	Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 05/02/2021
44	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề		
45	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	QT-TĐKT-02	
46	Xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	QT-TĐKT-03	
VI	NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (05 TTHC)		
1. Lĩnh vực Phát triển nông thôn (04 TTHC) (CC địa chính- xây dựng phụ trách)			
47	Xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản	QT-PTNT-01	Quyết định số 2253/QĐ-UBND ngày 11/10/2018
48	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT-PTNT-02	
49	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT-PTNT-03	
50	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiêu	QT-PTNT-04	

	tiền, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ cho UBND cấp xã thực hiện)		
	2. Lĩnh vực Khuyến nông (01 TTHC) (CC địa chính- xây dựng phụ trách)		
51	Phê duyệt Kế hoạch khuyến nông địa phương	QT-KN-01	Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 04/3/2019
VII	TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (23 TTHC) (CC địa chính- xây dựng phụ trách)		
	1. Lĩnh vực Đất đai (23 TTHC)		
	Mục 1. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã (02 TTHC)		
52	Hoà giải tranh chấp đất đai	QT-ĐĐ-01	Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 12/12/2018
53	Cung cấp dữ liệu đất đai	QT-ĐĐ-02	
	Mục 2. Thủ tục hành chính liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai cấp huyện (21 TTHC)		
54	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	QT-ĐĐ-03	Quyết định số 2893/QĐ-UBND ngày 12/12/2018
55	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	QT-ĐĐ-04	

56	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	QT-ĐĐ-05	
57	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	QT-ĐĐ-06	
58	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	QT-ĐĐ-07	
59	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	QT-ĐĐ-08	
60	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	QT-ĐĐ-09	
61	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	QT-ĐĐ-10	
62	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	QT-ĐĐ-11	Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 12/12/2018
63	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	QT-ĐĐ-12	
64	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài	QT-ĐĐ-13	

	sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất		
65	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	QT-ĐĐ-14	
66	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	QT-ĐĐ-15	
67	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	QT-ĐĐ-16	
68	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận; xác định lại diện tích đất ở	QT-ĐĐ-17	Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 12/12/2018
69	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	QT-ĐĐ-18	
70	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	QT-ĐĐ-19	

	trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp		
71	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	QT-ĐĐ-20	
72	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	QT-ĐĐ-21	Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 12/12/2018
73	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	QT-ĐĐ-22	
74	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	QT-ĐĐ-23	
VIII	TƯ PHÁP (44 TTHC) (CC tư pháp- hộ tịch phụ trách)		
	1. Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật (02 TTHC)		
75	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	QT-PBGDPL-01	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018
76	Miễn nhiệm tuyên truyền viên pháp luật	QT-PBGDPL-02	

	2. Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở (04 TTHC)		
77	Công nhận hòa giải viên	QT-HGCS-01	
78	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	QT-HGCS-02	
79	Thôi làm hòa giải viên	QT-HGCS-03	
80	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QT-HGCS-04	
	3. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (01 TTHC)		
81	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.	QT-BTNN-01	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018
	4. Lĩnh vực chứng thực (11 TTHC)		
82	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT-CT-01	
83	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT-CT-02	
84	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản	QT-CT-03	
85	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT-CT-04	
86	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-CT-05	
87	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT-CT-06	
88	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-CT-07	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018

89	Chứng thực di chúc	QT-CT-08	
90	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QT-CT-09	
91	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT-CT-10	
92	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT-CT-11	
5. Lĩnh vực Hộ tịch (23 TTHC)			
93	Đăng ký khai sinh	QT-HT-01	Quyết định số 3226/QĐ-UBND ngày 22/12/2020
94	Đăng ký kết hôn	QT-HT-02	
95	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT-HT-03	
96	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT-HT-04	
97	Đăng ký khai tử	QT-HT-05	
98	Đăng ký khai sinh lưu động	QT-HT-06	
99	Đăng ký kết hôn lưu động	QT-HT-07	
100	Đăng ký khai tử lưu động	QT-HT-08	
101	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT-HT-09	
102	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT-HT-10	
103	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT-HT-11	
104	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-HT-12	

	tại khu vực biên giới		
105	Đăng ký giám hộ	QT-HT-13	
106	Đăng ký chấm dứt giám hộ	QT-HT-14	
107	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	QT-HT-15	
108	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT-HT-16	
109	Đăng ký lại khai sinh	QT-HT-17	
110	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT-HT-18	
111	Đăng ký lại kết hôn	QT-HT-19	
112	Đăng ký lại khai tử	QT-HT-20	
113	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	QT-HT-21	
114	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT-HT-22	
115	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT-HT-23	
	6. Lĩnh vực nuôi con nuôi (03 TTHC)		
116	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QT-NCN-01	Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 23/3/2021
117	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT-NCN-02	
118	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QT-NCN-03	
X	QUẢN LÝ AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN (02 TTHC)		

	(CC địa chính- xây dựng phụ trách)		
119	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập thủy điện trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT-TL-01	Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 04/4/2019
120	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT-TL-02	
XI	PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI (05 TTHC) (CC địa chính- xây dựng phụ trách)		
121	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	QT-PCTT-01	Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 06/9/2021
122	Trợ cấp tiên tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	QT-PCTT-02	
123	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai		Quyết định 2462/QĐ-UBND ngày 08/10/2019
124	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh		
125	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu		
XII	TỔ CÁO (01 TTHC) (CC văn phòng- thống kê phụ trách)		
126	Thủ tục giải quyết tố cáo	QT-TC-01	Quyết định số 3113/QĐ-UBND ngày 04/12/2019

XIV	THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC (03 TTHC) (CC địa chính- xây dựng phụ trách)		
127	Thông báo thành lập tổ hợp tác	QT-THT-01	Quyết định số 3227/QĐ-UBND ngày 16/12/2019
128	Thông báo thay đổi tổ hợp tác		
129	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác		
XV	TRỒNG TRỌT (01 TTHC) (CC địa chính- xây dựng phụ trách)		
130	Thủ tục đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa	QT-TT-01	Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 14/4/2020
XVI	QUY HOẠCH XÂY DỰNG (01 TTHC) (CC địa chính- xây dựng phụ trách)		
131	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng	QT-QHXD-01	Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 25/9/2020
XVIII	LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG (01 TTHC) (CC địa chính- xây dựng phụ trách)		
132	Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	QT-KHCNMT -01	Quyết định số 2545/QĐ-UBND ngày 12/10/2021
XIX	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG (02TTHC) (CC địa chính- xây dựng phụ trách)		
133	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	QT-MT-01	Quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
134	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn và chia sẻ lợi ích	QT-MT-02	

QUY TRÌNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG			
TT	Tên quy trình	Mã hiệu	Số Quyết định UBND tỉnh về ban hành TTHC

I	LĨNH VỰC DÂN TỘC (02 TTHC) (CC văn phòng- thống kê phụ trách)		
135	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT-DT-01	Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 08/5/2018
136	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT-DT-02	
II	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG (23 TTHC) (CC văn hóa- xã hội phụ trách)		
137	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT-NCC-01	Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018
138	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	QT-NCC-02	
139	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	QT-NCC-03	
140	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	QT-NCC-04	
141	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QT-NCC-05	
142	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần	QT-NCC-06	
143	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	QT-NCC-07	
144	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	QT-NCC-08	
145	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	QT-NCC-09	
146	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01/01/1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	QT-NCC-10	
147	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến	QT-NCC-11	

	giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết		
148	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT-NCC-12	
149	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT-NCC-13	
150	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-NCC-14	Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018
151	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-NCC-15	
152	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	QT-NCC-16	
153	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QT-NCC-17	
154	Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ	QT-NCC-18	
155	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT-NCC-19	
156	Đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng	QT-NCC-20	
157	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia	QT-NCC-21	
158	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	QT-NCC-22	

			18/3/2021
159	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	QT-NCC-23	Quyết định số 1439/QĐ-UBND ngày 18/6/2020
III	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (08 TTHC) (CC văn hóa- xã hội phụ trách)		
160	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	QT-BTXH-01	Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018
161	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	QT-BTXH-02	
162	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật, người khuyết tật mang thai nuôi con dưới 36 tháng tuổi), hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QT-BTXH-03	
163	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-BTXH-04	
164	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)	QT-BTXH-05	
165	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	QT-BTXH-06	
166	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng	QT-BTXH-07	
167	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT-BTXH-08	
IV	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (02 TTHC) (CC địa chính- xây dựng phụ trách)		
168	Cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QT-NN&PTNT-01	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày
169	Cấp đổi Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QT-NN&PTNT-02	

	trại		12/10/2018
V	LĨNH VỰC VIỆC LÀM (03 TTHC) (CC văn hóa- xã hội phụ trách)		
170	Hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm ngừng kinh doanh do đại dịch COVID-19	QT-VL-01	Quyết định số 1798/QĐ-UBND ngày 22/7/2021
171	Hỗ trợ người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc do đại dịch COVID-19 nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp	QT-VL-02	
172	Hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm do đại dịch COVID-19	QT-VL-03	
VI	LĨNH VỰC HỘ TỊCH (01 TTHC) (CC tư pháp- hộ tịch phụ trách)		
173	Đăng ký khai sinh, Đăng ký thường trú, Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi	QT-BH-01	Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 05/5/2022
QUY TRÌNH ISO ĐỐI VỚI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH ĐƯA VÀO TIẾP NHẬN TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CẤP XÃ			
TT	Tên quy trình	Mã hiệu	Số Quyết định UBND tỉnh về ban hành TTHC
I	Lĩnh vực Động viên quân đội (02 thủ tục) (CC chỉ huy trưởng QS phụ trách)		
174	Đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (<i>chủ phương tiện là cá nhân</i>)	QT-ĐVQĐ-01	Quyết định số 15812/QĐ-UBND ngày 01/7/2020
175	Xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (<i>chủ phương tiện là cá nhân</i>)		
II	Lĩnh vực Bảo hiểm xã hội (01 thủ tục) (CC chỉ huy trưởng QS phụ trách)		
176	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí hằng tháng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhập ngũ từ ngày 30/4/1975 trở về trước, có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ.	QT-BHXH-01	Quyết định số 15812/QĐ-UBND ngày 01/7/2020
III	Lĩnh vực Dân quân tự vệ (02 thủ tục) (CC chỉ huy trưởng QS phụ trách)		
177	Thủ tục trợ cấp đối với dân quân bị tai	QT-DQTV-01	Quyết định số

	nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết.		15812/QĐ-UBND ngày 01/7/2020
178	Thủ tục trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết		
IV	Lĩnh vực Nghĩa vụ quân sự (07 thủ tục) (CC chỉ huy trưởng QS phụ trách)		
179	Đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu	QT-NVQS-01	Quyết định số 15812/QĐ-UBND ngày 01/7/2020
180	Đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị		
181	Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung		
182	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập		
183	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập		
184	Đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng		
185	Đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến		
V	Lĩnh vực chính sách (02 thủ tục) (CC chỉ huy trưởng QS phụ trách)		
186	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc	QT-CS-01	Quyết định số 15812/QĐ-UBND ngày 01/7/2020
187	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc (<i>đối tượng từ trần</i>)	QT-CS-02	